

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HUNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-UBND

Hung Yên, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định một số chính sách thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo “Nghị quyết ban hành Quy định một số chính sách thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045” như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

a) Cơ sở chính trị

- Nghị quyết Đại hội Đại biểu lần thứ XIV của Đảng;
- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân;
- Kết luận số 219-KL/TW ngày 26/11/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc Hội về Phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035;
- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 11/3/2026 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng;

- Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030;
- Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, nhiệm kỳ 2025-2030;
- Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 20/10/2025 của Tỉnh ủy Hưng Yên thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030;
- Chương trình hành động số 30-CTr/TU ngày 03/11/2022 của Tỉnh ủy Hưng Yên về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- Kế hoạch hành động số 433-KH/TU ngày 11/6/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Kế hoạch số 22-KH/TU ngày 09/9/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân;
- Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 01/4/2026 của BCH Đảng bộ tỉnh khóa I, Nhiệm kỳ 2025-2030 về cơ cấu lại, phát triển và nâng cao hiệu quả ngành nông nghiệp, thủy sản, nông thôn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045.

b) Cơ sở pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15; Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;
- Luật số 90/2025/QH15 của Quốc hội: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;
- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14; Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14; Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14; Luật Thú y số 79/2015/QH13; Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15;
- Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ về Khuyến nông; Nghị định số 109/2018/NĐ-CP của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ; Nghị định số 112/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa; Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;
- Nghị định số 106/2024/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi; Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi; Nghị định số 116/2025/NĐ - CP của Chính phủ Quy định về chính sách hỗ trợ khắc phục dịch động vật;

- Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12/9/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã; Nghị định số 52/2018/NĐ-CP, ngày 12/04/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn; Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

- Thông tư số 75/2019/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động khuyến nông.

2. Cơ sở thực tiễn

Sau 05 năm triển khai thực hiện, các Nghị quyết số 319/NQ-HĐND ngày 13/10/2020, Nghị quyết số 29/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021, Nghị quyết số 05/2020/NQ-HĐND ngày 24/02/2020 của HĐND tỉnh và nhiều các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, phát triển nông thôn, xây dựng nông thôn mới khác thông qua các chương trình, đề án, dự án đã dần đi vào cuộc sống. Qua hỗ trợ các cơ chế chính sách, nông nghiệp, thủy sản phát triển cả về quy mô và trình độ sản xuất, khẳng định vị thế, vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Ngành nông nghiệp tiếp tục được đẩy mạnh theo hướng ứng dụng công nghệ cao, sản xuất hàng hóa quy mô lớn, gia tăng giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích canh tác. Người dân có điều kiện tiếp cận và áp dụng khoa học, kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất; nhiều giống cây trồng, vật nuôi mới và các quy trình, công nghệ, tiến bộ kỹ thuật được đưa vào sản xuất. Chương trình xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu đạt nhiều kết quả nổi bật, góp phần thay đổi diện mạo nông thôn, nâng cao đời sống của nông dân. Thu nhập và chất lượng đời sống cư dân nông thôn được nâng cao, có sự chuyển biến rõ nét về vệ sinh môi trường, cảnh quan nông thôn theo hướng sáng, xanh, sạch, đẹp.

Đến nay, thời gian thực hiện Nghị quyết số 319/NQ-HĐND ngày 13/10/2020 của HĐND tỉnh Hưng Yên (cũ), Nghị quyết số 29/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thái Bình (cũ), Nghị quyết số 05/2020/NQ-HĐND ngày 24/02/2020 của HĐND tỉnh Thái Bình (cũ) và các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới thông qua các chương trình, đề án, dự án giai đoạn 2021-2025 đã hiệu lực. Mặt khác, sau sáp nhập tỉnh cần có cơ chế chính sách đồng bộ, tuân thủ các quy định của pháp luật và đảm bảo các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản, nông thôn trong tình hình mới.

Ngày 12/3/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 07/NQ-UBND nghị quyết phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh thường kỳ tháng 02 năm 2026, trong đó có giao cho Sở Nông nghiệp và Môi trường: *“Rà soát, đánh giá lại toàn bộ cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp nông thôn hiện hành. chủ trì, phối hợp với cơ quan đơn vị địa phương nghiên cứu xây dựng và tham mưu HĐND tỉnh xem xét, ban hành các cơ chế chính sách mới phù hợp với tình hình, yêu cầu thực tiễn và quy định pháp luật mới ban hành”*.

Ngày 01/4/2026, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết số 13-NQ/TU, ngày 01/4/2026 về cơ cấu lại, phát triển và nâng cao hiệu quả ngành nông

ng nghiệp, thủy sản, nông thôn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045; trong đó tại mục 2.10 phần các giải pháp của Nghị quyết có ghi: “*Ưu tiên đầu tư có trọng tâm, trọng điểm các lĩnh vực nông nghiệp nông thôn giai đoạn 2026-2030, trong đó, tập trung vào các chương trình, đề án, dự án, cơ chế chính sách phát triển phòng thí nghiệm, sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản có năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng cao và khả năng chống chịu với sâu, dịch bệnh, biến đổi khí hậu; nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; thí điểm các mô hình tích tụ ruộng đất quy mô lớn do doanh nghiệp thuê đất lập thành các nông trường lớn, ứng dụng 100% cơ giới hóa; các chương trình, nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đào tạo, tập huấn, bảo quản, chế biến nông lâm sản; công tác xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu và phát triển thị trường nông sản....; phát triển kinh tế nông nghiệp, các chính sách về hỗ trợ liên kết sản xuất, thành lập hợp tác xã, tổ hợp tác, chương trình OCOP, cơ giới hóa...; các chính sách xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế nông thôn; đầu tư xây dựng các công trình đê điều, thủy lợi, nội đồng; hỗ trợ áp dụng các phương pháp tiết kiệm nước cho cây trồng cạn; ...*”

Ngày 13/4/2026, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 04/NQ-HĐND về Kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII, nhiệm kỳ 2026-2031; trong đó nội dung báo cáo “*Về việc ban hành cơ chế chính sách thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045*” là một trong những nội dung chuyên đề theo đăng ký của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Kỳ họp thường lệ giữa năm (tháng 7/2026).

Từ các nội dung được nêu ở trên, việc ban hành “*Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định một số cơ chế chính sách thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045*” là rất cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Mục đích ban hành văn bản

Ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định một số cơ chế chính sách thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045. Trên cơ sở đánh giá các cơ chế chính sách hiện hành; cập nhật, bổ sung các cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông lâm thủy sản, phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới phù hợp giai đoạn phát triển mới của tỉnh.

2. Quan điểm xây dựng dự án, dự thảo văn bản: Quy định rõ điều kiện, nội dung, định mức hỗ trợ phù hợp với các quy định hiện hành, điều kiện kinh tế xã hội và khả năng cân đối ngân sách hằng năm của tỉnh.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này ban hành Quy định một số cơ chế chính sách thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045.

2. Đối tượng áp dụng

- Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã; các sở, ban, ngành của tỉnh.
- Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình và cá nhân tham gia thực hiện sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện các chính sách hỗ trợ theo Quy định này.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

- Ngày 09/3/2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành Văn bản số 1316/SNNMT-KHTC về việc rà soát, đề xuất cơ chế, chính sách thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030; theo đó, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã yêu cầu các phòng, đơn vị thuộc Sở căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao rà soát, đề xuất à soát, nghiên cứu, tham mưu đề xuất từ 1-2 cơ chế, chính sách cấp thiết, nổi trội thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2026-2030. Cơ chế, chính sách đề xuất tập trung vào các lĩnh vực: Ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, phát triển nông nghiệp xanh, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, cơ giới hóa, sản phẩm OCOP, giống nông nghiệp, HTX, xúc tiến thương mại trong nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới....

- Ngày 10/4/2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành Quyết định số 431/QĐ-SNNMT về việc thành lập Tổ soạn thảo xây dựng Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2026-2030 (*gọi tắt là Tổ soạn thảo theo QĐ 431*). Trên cơ sở kết quả rà soát, đề xuất của các đơn vị trực thuộc, Tổ soạn thảo theo QĐ 431 xây dựng dự thảo lần 01.

- Ngày 15/4/2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức làm việc, xin ý kiến tham gia vào Dự thảo lần 01 gồm: Đại diện Lãnh đạo Sở, Lãnh đạo và chuyên viên các đơn vị có liên quan; Tổ soạn thảo theo QĐ 431. Trên cơ sở tham gia ý kiến của các đại biểu tại buổi làm việc, Sở Nông nghiệp và Môi trường hoàn thiện dự thảo lần 02 và hoàn thiện Hồ sơ Dự thảo gửi các Sở ngành, địa phương tham gia góp ý theo trình tự thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Ngày/.../2026, Sở Tư pháp đã ban hành Báo cáo số/BC-STP về việc thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Căn cứ Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã bổ sung vào dự thảo cuối cùng để báo cáo UBND tỉnh xem xét trình HĐND tỉnh theo quy định.

- Ngày/...../2026, UBND tỉnh đã có Tờ trình số/TTr-UBND về Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp nông thôn giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

- Ngày/....../2026, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đã tổ chức họp thẩm tra dự thảo Nghị quyết và đã đề nghị điều chỉnh một số nội dung liên quan. Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp thu, hoàn thiện Dự thảo nghị quyết và trình UBND tỉnh xem xét trình HĐND thành phố theo quy định.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết được trình bày theo Mẫu số 17 tại Phụ lục I (ban hành Quy định/Quy chế) Nghị định 54/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể như sau:

a) Đối với dự thảo Nghị quyết: gồm căn cứ pháp lý và 03 điều khoản, cụ thể:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số cơ chế chính sách thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Điều 3. Điều khoản thi hành

b) Đối với dự thảo Quy định: gồm 04 Chương, 12 Điều, cụ thể:

Chương I: Quy định chung (02 điều)

Chương II: Quy định cụ thể (05 điều)

Chương III: Nguồn vốn và cơ chế (02 điều)

Chương IV: Tổ chức thực hiện (03 điều).

2. Nội dung cơ bản của dự thảo văn bản

Dự thảo Nghị quyết này Quy định một số cơ chế chính sách thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045, *gồm các cơ chế chính sách chính như sau:*

(1) Nội dung và các chính sách hỗ trợ phát triển lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản

- Hỗ trợ thuốc trừ chuột trong chiến dịch diệt chuột tập trung toàn tỉnh bảo vệ sản xuất trồng trọt vụ Xuân: Hỗ trợ 100% kinh phí mua thuốc trừ chuột theo giá thị trường trên 100% diện tích đất trồng lúa (LUC) của địa phương; lượng thuốc sử dụng theo hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất; giá thuốc trừ chuột theo giá thị trường nhưng không vượt quá 150.000 đồng/ha/chiến dịch diệt chuột tập trung.

- Hỗ trợ phát triển sản xuất cây vụ Đông: Hỗ trợ 50% kinh phí mua giống theo giá thị trường nhưng không quá 12.000.000 đồng/ha.

- Hỗ trợ tích tụ, tập trung đất nông nghiệp để sản xuất trồng trọt gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị:

+ Tổ chức, cá nhân thực hiện tích tụ, tập trung đất nông nghiệp đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này được hỗ trợ trong 03 năm đầu sản xuất.

Mức hỗ trợ 3.000.000 đồng/ha/năm

+ Người sử dụng đất trong phương án sử dụng đất nông nghiệp của tổ chức kinh tế, cá nhân thực hiện tích tụ, tập trung đất nông nghiệp đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này được hỗ trợ 200.000 đồng/360m²/năm. Thời gian hỗ trợ tối đa 05 năm nhưng không quá thời gian tích tụ, tập trung đất nông nghiệp theo thỏa thuận đã ký giữa hai bên.

- Hỗ trợ phát triển chăn nuôi an toàn sinh học, chăn nuôi VietGAHP đảm bảo an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường:

+ Hỗ trợ kinh phí áp dụng các biện pháp kỹ thuật cho các trang trại, nông hộ đáp ứng yêu cầu chăn nuôi an toàn sinh học, chăn nuôi an toàn VietGAHP.

Hỗ trợ kinh phí đánh giá và cấp chứng nhận cơ sở đủ điều kiện chăn nuôi VietGAHP: Không quá 20 triệu đồng/cơ sở chăn nuôi. Kinh phí đánh giá chứng nhận lại: Không quá 15 triệu đồng/cơ sở.

Hỗ trợ kinh phí khuyến khích các nông hộ, trang trại áp dụng hiệu quả quy trình chăn nuôi an toàn sinh học, chăn nuôi an toàn VietGAHP: Lợn nái, lợn đực giống: 500.000 đồng/con; Lợn thịt: 200.000 đồng/con; Gia cầm: 10.000 đồng/con; Hươu, Dê, Bò: 200.000đ/con.

+ Hỗ trợ kinh phí thực hiện mục tiêu phát triển chăn nuôi gia cầm, lợn an toàn sinh học, chăn nuôi an toàn VietGAHP; chăn nuôi bò thịt cao sản, Hươu Sao, Dê: Lợn siêu nạc: 3.000.000 đồng/con nái; Gà Đông tảo: 30.000 đồng/con; Đông tảo lai, gà Tò, gà Ri lai: 15.000 đồng/con; Gà/vịt hậu bị: 50.000 đồng/con; Bò cao sản: Bò lai sind x Brahman/Droughmaster: 3.000.000 đồng/con; Bò laisind x BBB/Angus/ Charolais, hươu Sao: 5.000.000 đồng/con; Dê 3.000.000đ/con. Hỗ trợ công giám định, bình tuyển: 40.000đ/con bò; 20.000đ/con lợn.

+ Hỗ trợ máy chế biến bảo quản rom tối đa 30 triệu đồng/máy; Giống cỏ: 500.000 đồng/sào; máy tách phân: hỗ trợ 30% giá trị máy tách phân (không quá 25 triệu đồng/máy); Hỗ trợ xây/lắp hầm Biogas: 4.000.000 đ/hầm; đệm lót sinh học cho gia cầm: 5.000đ/con

- Chính sách hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ tại các trang trại chăn nuôi:

+ Hỗ trợ không quá 70% chi phí mua sắm mới các máy móc thiết bị công nghệ chăn nuôi (*Hệ thống cho ăn và cấp nước tự động; Hệ thống quạt thông gió thông minh, dàn lạnh tự động; hệ thống sưởi sàn hồng ngoại; máy lọc không khí OZON; Hệ thống năng lượng tái tạo như hệ thống điện mặt trời cho trang trại, máy phát điện bằng khí sinh học Biogas; Robot phục vụ chăn nuôi; Hệ thống phun sát trùng áp lực cao; Camera tầm nhiệt (Thermal Imaging) giám sát 24/7, Cảm biến âm thanh AI (AI Audio Sensors)*); mức hỗ trợ tối đa không quá 05 tỷ đồng/cơ sở.

+ Hỗ trợ không quá 70% giá trị công trình khí sinh học, các công trình xử lý nước thải sau công trình khí sinh học, sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi ... nhằm khuyến khích xử lý chất thải chăn nuôi. Mức hỗ trợ tối đa không quá 1 tỷ đồng/cơ sở chăn nuôi (*chăn nuôi trang trại quy mô vừa và nhỏ*); 3 tỷ đồng/cơ sở chăn nuôi (*chăn*

nuôi trang trại quy mô lớn).

- Hỗ trợ cơ sở nuôi đàn giống cấp ông bà và đàn giống cấp bố mẹ để sản xuất nguồn giống vật nuôi chủ lực cấp bố mẹ và con thương phẩm trên địa bàn tỉnh: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 1 lần không quá 70% kinh phí mua giống, nhưng không quá 4,5 tỷ đồng/cơ sở chăn nuôi đạt tiêu chí trang trại quy mô lớn; không quá 02 tỷ đồng/cơ sở chăn nuôi đạt tiêu chí trang trại quy mô vừa; không quá 01 tỷ đồng/cơ sở chăn nuôi đạt tiêu chí trang trại quy mô nhỏ và không quá không quá 200 triệu đồng/cơ sở chăn nuôi nông hộ.

- Hỗ trợ vắc xin, hóa chất, vật tư, công cho người tham gia phòng, chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm:

+ Ngân sách tỉnh hỗ trợ: 100% kinh phí mua vắc xin để phòng bệnh Cúm gia cầm, Lở mồm long móng gia súc, Dịch tả lợn, Tai xanh ở lợn, Viêm da nổi cục ở trâu, bò, Đại động vật và bệnh mới theo chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; hàng năm, tùy theo tình hình thực tế và đặc điểm dịch tễ, cơ quan chuyên môn thú y cấp tỉnh đề xuất loại bệnh để hỗ trợ vắc xin cho phù hợp. Hỗ trợ 100% kinh phí mua hóa chất khử trùng, tiêu độc để thực hiện các đợt phát động tháng vệ sinh, khử trùng tiêu độc trên địa bàn tỉnh và để xử lý dịch bệnh động vật trên cạn. Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện giám sát lưu hành mầm bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và thực hiện giám sát sau tiêm phòng.

+ Ngân sách cấp xã: Hỗ trợ 100% kinh phí mua vật tư (Tủ lạnh/tủ mát, thùng bảo quản; bơm, kim tiêm; bảo hộ lao động) phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm; hỗ trợ công cho người tham gia thực hiện nhiệm vụ phòng, chống dịch, mức hỗ trợ theo Điều 7 Nghị định số 116/2025/NĐ - CP của Chính phủ Quy định về chính sách hỗ trợ khắc phục dịch động vật; hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện thu gom, xử lý chất thải phát sinh do hoạt động hỗ trợ vắc xin, hóa chất.

- Hỗ trợ xây dựng và duy trì vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn:

+ Đối với xây dựng và duy trì cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn: Hỗ trợ 100% kinh phí xét nghiệm mẫu trong thực hiện đánh giá lần đầu; 50% kinh phí xét nghiệm mẫu trong thực hiện duy trì điều kiện cơ sở an toàn dịch bệnh hàng năm. Ngoài ra, các cơ sở an toàn dịch bệnh được hưởng các cơ chế, chính sách khác có liên quan.

+ Đối với các vùng an toàn dịch bệnh đối với bệnh dại: Ngoài việc thực hiện hỗ trợ vắc xin phòng bệnh Dại theo theo chính sách của tỉnh; hàng năm, hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện hoạt động giám sát bệnh Dại theo quy định (tổ chức lấy mẫu, gửi mẫu; phí phân tích mẫu); năm đầu tiên hỗ trợ kinh phí mua sắm vật tư, dụng cụ giám sát (rọ mõm, dây đeo cổ, găng chíp, thiết bị quản lý), định mức tối đa: 500.000 đồng/con.

- Hỗ trợ xây dựng mới hoặc nâng cấp cải thiện điều kiện vệ sinh thú y với cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm:

Hỗ trợ một lần kinh phí đầu tư xây dựng mới hoặc sửa chữa, nâng cấp, mở

rộng cơ sở hạ tầng khu vực giết mổ, sơ chế; khu xử lý chất thải; hệ thống điện, nước và mua trang thiết bị phục vụ hoạt động giết mổ. Mức hỗ trợ như sau:

* Cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm

- Giết mổ từ 30-50 con lợn/ngày hoặc 800 -1.000 con gia cầm/ngày: hỗ trợ 50% kinh phí đầu tư và không quá 1 tỷ đồng/cơ sở.

- Giết mổ từ 50 con lợn/ngày trở lên hoặc từ 1.000 con gia cầm/ngày trở lên: hỗ trợ 50% kinh phí đầu tư và không quá 02 tỷ đồng/cơ sở.

* Cơ sở giết mổ trâu, bò:

- Giết mổ từ 05-10 con/ngày: hỗ trợ 50% kinh phí đầu tư và không quá 700 triệu đồng/cơ sở;

- Giết mổ trên 10 con/ngày trở lên: hỗ trợ 50% kinh phí đầu tư và không quá 1,5 tỷ đồng/cơ sở.

- Hỗ trợ phát triển nuôi thủy sản trong ao bán nổi: Tổng kinh phí hỗ trợ cho 1ha nuôi thủy sản trong ao bán nổi không quá 101 triệu đồng/ha; trong đó:

Tổng kinh phí hỗ trợ cho 1ha nuôi thủy sản trong ao bán nổi không quá 108 triệu đồng/ha; trong đó:

Hỗ trợ 100% tổng kinh phí đào đào mương trong xây dựng ao bán nổi nhưng không quá 74 triệu đồng/ha;

Hỗ trợ 50% tổng kinh phí mua máy quạt nước (máy guồng) nhưng không quá 20 triệu đồng/ha;

Hỗ trợ 50% tổng kinh phí mua bạt lót bờ ao nhưng không quá 14 triệu đồng/1ha.

(2) Chính sách hỗ trợ liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp

- Hỗ trợ triển khai các hội nghị đào tạo, tập huấn, tham quan, sơ kết, tổng kết xây dựng, quản lý các tổ chức, các nhân sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông, lâm sản và thủy sản đảm bảo an toàn thực phẩm: (Hỗ trợ 100%)

- Hỗ trợ hạ tầng, công nghệ:

+ Hỗ trợ 40% kinh phí đầu tư xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ cao (hệ thống nhà lưới, nhà màng, nhà kính...).

+ Hỗ trợ 30% vốn đầu tư máy móc, thiết bị, kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất, sơ chế, chế biến, đóng gói, bảo quản sản phẩm nông nghiệp; kết cấu hạ tầng, máy móc, thiết bị phục vụ sơ chế, chế biến, bảo quản gia súc, gia cầm và thủy sản; công trình cấp, thoát nước, công trình xử lý chất thải, hệ thống điện hạ thế phục vụ sản xuất; giao thông khu sản xuất; công trình giới thiệu và quảng bá sản phẩm. Tổng mức hỗ trợ không quá 10 tỷ đồng.

+ Hỗ trợ 40% kinh phí chuyển giao công nghệ trong sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm nông lâm thủy sản và muối.

- Hỗ trợ tư vấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng:

+ Hỗ trợ 100% kinh phí tư vấn xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở; Tư vấn xây dựng và ban hành hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm thực phẩm; Chi phí thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng hàng hóa; Chi phí chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng (HACCP, ISO, GMP, FSSC;... Tư vấn, công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm phù hợp theo quy định sản phẩm thực phẩm.

Hỗ trợ 50% kinh phí nghiên cứu thử nghiệm phát triển sản phẩm, dịch vụ (Hỗ trợ 50%).

- Hỗ trợ tuyên truyền, giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm

+ Hỗ trợ 100% chi phí các hình thức tuyên truyền như: Biển quảng cáo mô hình, cửa hàng giới thiệu sản phẩm, báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm và các hình thức phổ biến thông tin khác.

+ Hỗ trợ tối đa 50% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình.

+ Hỗ trợ 100% chi phí bao bì, nhãn mác sản phẩm; tem nhãn nhận diện sản phẩm; máy in tem quản lý, xây dựng logo, nhãn hiệu, xây dựng thương hiệu sản phẩm.

- Hỗ trợ phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm trong nước và xuất khẩu:

- Hỗ trợ 100% kinh phí, nhưng không quá 100 triệu đồng đối với một nội dung thực hiện, chuyên đề tuyên truyền, xây dựng cơ sở dữ liệu, ấn phẩm, cẩm nang, tờ gấp, tờ rơi, cataloge, các video clip để giới thiệu, quảng bá và các kênh thông tin, truyền thông khác.

- Đối với các cơ quan, đơn vị có nhiệm vụ xúc tiến thương mại trực thuộc tỉnh tổ chức tham gia khu gian hàng chung giới thiệu sản phẩm nông sản, đặc sản, chủ lực, thế mạnh; sản phẩm OCOP; sản phẩm làng nghề của tỉnh: Hỗ trợ 100% các chi phí thực hiện bao gồm: Chi phí thuê mặt bằng; thiết kế, dàn dựng gian hàng; dịch vụ phục vụ: điện, nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ; Chi phí vận chuyển; Tổ chức khai mạc, bế mạc; giấy mời đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng; tổ chức các Hội thảo bên lề; Chi phí tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu về chương trình Hội chợ; Chi phí thiết kế, in ấn các ấn phẩm, tờ rơi, cataloge, cẩm nang, các phụ kiện đi kèm quảng bá (áo, mũ); sản xuất các video clip giới thiệu, tuyên truyền;

- Hỗ trợ 50%, nhưng tối đa không quá 10 triệu đồng/đơn vị tham gia đối với các khoản chi phí: Thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng; chi phí vận chuyển; chi phí tuyên truyền, quảng bá giới thiệu chương trình Hội chợ triển lãm.

- Hỗ trợ 100% kinh phí Điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường trong nước; xây dựng cơ sở dữ liệu các mặt hàng quan trọng, thiết yếu; nghiên cứu phát triển hệ thống phân phối, cơ sở hạ tầng thương mại. Các ấn phẩm để phổ biến kết quả điều tra, khảo sát, phổ biến pháp luật, tập quán, thói quen mua sắm; kinh phí tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường; chi phí thiết kế và xây dựng website

quảng bá giới thiệu sản phẩm và bán hàng của đơn vị; kinh phí quảng bá, truyền thông trực tuyến thông qua các trang quảng cáo xã hội như: Facebook, zalo, tiktok các sàn thương mại điện tử. Mức hỗ trợ tối đa 15 triệu đồng/website/đơn vị.

- Hỗ trợ kinh phí tổ chức hội chợ: Hỗ trợ 100% kinh phí khảo sát thị trường, giao dịch với các tổ chức, doanh nghiệp trong nước: đi lại, ăn ở, vận chuyển sản phẩm; tuyên truyền quảng bá mời doanh nghiệp đến đi giao thương hội thảo trưng bày giới thiệu sản phẩm. Hỗ trợ 100% khu vực bày, giới thiệu sản phẩm tại các điểm, trung tâm, giới thiệu sản phẩm, cổng thông tin điện tử, mạng thương mại điện tử, mạng internet, mạng viễn thông. Hỗ trợ 100% kinh phí xây dựng chứng nhận chất lượng, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa, truy xuất nguồn gốc; in ấn tem, nhãn mác, bao bì sản phẩm. Hỗ trợ 100% kinh phí xây dựng và phát hành các ấn phẩm, tài liệu đào tạo, tập huấn, tư vấn nâng cao năng lực xúc tiến thương mại, phát triển thị trường.

(3) Chính sách hỗ trợ lĩnh vực phát triển nông thôn

- Hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác trong nông nghiệp:

+ Hỗ trợ lương cho người lao động tốt nghiệp cao đẳng, đại học, sau đại học làm việc tại các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; mức hỗ trợ hàng tháng bằng 02 lần mức lương tối thiểu vùng, trong thời gian 3 năm, mỗi tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chỉ được hỗ trợ 01 lao động; tổng số lao động được hỗ trợ giai đoạn 2026 - 2030 là 15 lao động.

+ Hỗ trợ phân chi phí kiểm toán mà tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã thực hiện thuê tổ chức kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm trước liền kề trong trường hợp quy mô siêu nhỏ và nhỏ được Nhà nước hỗ trợ với kinh phí hỗ trợ từ 3 tỷ đồng trở lên. Ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 100% kinh phí kiểm toán, mức hỗ trợ không quá 100 triệu đồng/tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

+ Hỗ trợ nhân rộng mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động hiệu quả: Tổ chức hội nghị, hội thảo phổ biến kinh nghiệm; tham quan, khảo sát; tư vấn, xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh. Ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 100% kinh phí nhân rộng mô hình, mức hỗ trợ không quá 100 triệu đồng/mô hình.

- Hỗ trợ phát triển kinh tế trang trại:

+ Hỗ trợ kết cấu hạ tầng khu, vùng trang trại tập trung: xây dựng công trình đường giao thông nội đồng, kênh mương nội đồng, công trình xử lý chất thải, nước thải, hệ thống điện đến chân hàng rào trang trại được ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 100% kinh phí đầu tư, mức hỗ trợ không quá 10 tỷ đồng/01 dự án.

+ Hỗ trợ trang trại đầu tư trang thiết bị, dụng cụ, phần mềm thực hiện ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số: hệ thống cảm biến nhiệt độ, ẩm độ, hệ thống tưới nước tự động, hệ thống bón phân tự động, hệ thống cho ăn, uống tự động, hệ thống camera, màn hình giám sát. Ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 100% kinh phí, mức hỗ trợ không quá 150 triệu đồng/trang trại.

- Hỗ trợ phát triển ngành nghề, làng nghề, làng nghề truyền thống

+ Hỗ trợ đầu tư, cải tạo, nâng cấp và hoàn thiện cơ sở hạ tầng làng nghề: Đường giao thông, điện, nước sạch; hệ thống tiêu, thoát nước; xây dựng trung tâm, điểm bán hàng và giới thiệu sản phẩm làng nghề. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ làng nghề, làng nghề truyền thống theo quy định của Luật đầu tư công và các văn bản hướng dẫn theo quy định hiện hành. Nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí đầu tư, mức hỗ trợ không quá 10 tỷ đồng/01 dự án.

+ Hỗ trợ mua nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất; thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo dự án; tập huấn cho người tham gia, tổng kết dự án; quản lý dự án. Mức hỗ trợ 50% nhưng không quá 500 triệu đồng/dự án.

+ Hỗ trợ kinh phí trực tiếp quy định tại quyết định công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống. Mức hỗ trợ 50 triệu đồng/ngành truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

- Hỗ trợ xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại

+ Hỗ trợ kinh phí cho xã tổ chức công bố, đón bằng công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới: 100 triệu đồng/xã.

+ Hỗ trợ kinh phí cho xã tổ chức công bố, đón bằng công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại: 200 triệu đồng/xã.

+ Hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng công trình phúc lợi, mua sắm trang thiết bị cơ sở vật chất, đảm bảo phù hợp với quy hoạch, kế hoạch xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã. Hỗ trợ 05 tỷ đồng cho mỗi xã đạt chuẩn nông thôn mới. Hỗ trợ 10 tỷ đồng cho mỗi xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại.

- Hỗ trợ thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP).

+ Hỗ trợ tuyên truyền, phổ biến, bồi dưỡng, tập huấn: Nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn cho chủ thể sản xuất sản phẩm OCOP được công nhận và chủ thể sản xuất sản phẩm OCOP tiềm năng.

+ Hỗ trợ đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp kết cấu hạ tầng các khu, vùng nguyên liệu, sản phẩm tham gia Chương trình OCOP như: Đường giao thông, công trình thủy lợi, hệ thống tiêu, thoát nước; mức hỗ trợ 100% kinh phí đầu tư xây dựng dự án, nhưng không quá 10 tỷ đồng/dự án.

+ Hỗ trợ phát triển sản phẩm tham gia Chương trình OCOP: Nhà nước hỗ trợ 50% chi phí mua sắm máy móc, thiết bị, công nghệ, thu hoạch, bảo quản, chế biến, không quá 1 tỷ đồng/chủ thể sản xuất.

+ Hỗ trợ tổ chức các hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu sản phẩm OCOP; hỗ trợ tư vấn phát triển sản phẩm, xây dựng hồ sơ sản phẩm (bao gồm chi hỗ trợ điều tra, khảo sát, thu thập dữ liệu sản phẩm, thuê chuyên gia tư vấn xây dựng đề án, kế hoạch, xây dựng câu chuyện sản phẩm); hỗ trợ đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong truyền thông; xây dựng hồ sơ và quản lý dữ liệu sản phẩm OCOP, số hóa quá trình tiếp nhận hồ sơ, chấm điểm, phân hạng sản phẩm; số hóa sản phẩm và xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc theo chuỗi giá trị sản phẩm OCOP; thiết kế mẫu mã sản phẩm, bao bì

đóng gói (chi thuê chuyên gia); hỗ trợ chi phí bao bì, in tem (mức hỗ trợ thực hiện theo hóa đơn thực tế và quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền); hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu các sản phẩm OCOP. Mức hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện, không quá 150 triệu đồng/sản phẩm.

(4) Chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp tuần hoàn; sản xuất nông nghiệp hữu cơ; ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Hỗ trợ ứng dụng mạ khay, cấy máy vào trong sản xuất lúa

Hỗ trợ mở rộng diện tích: Hỗ trợ tối đa 50% kinh phí mua giống lúa, phân bón và các vật tư gieo mạ khay. Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thuê cấy máy. Tổng mức hỗ trợ không quá 8 triệu đồng/ha.

Đào tạo, tập huấn: Hỗ trợ 100% chi phí chuyển giao kỹ thuật, đào tạo kỹ năng vận hành và bảo dưỡng máy cấy

- Hỗ trợ phát triển các cơ sở sản xuất mạ khay phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp.

Hỗ trợ 100% chi phí đào tạo và chuyển giao quy trình công nghệ sản xuất mạ khay; Hỗ trợ tối đa 30% kinh phí mua khay gieo mạ (khay nhựa hoặc khay chuyên dụng), chi phí lắp đặt hệ thống tưới tiêu tự động hoặc bán tự động. Tổng kinh phí hỗ trợ không quá 200 triệu đồng trên mỗi đơn vị cơ sở.

- Hỗ trợ chuyển giao ứng dụng tiên bộ kỹ thuật, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp tại Hưng Yên.

Hỗ trợ 100% chi phí hướng dẫn và chuyển giao kỹ thuật; Hỗ trợ tối đa 30% chi phí mua vật tư sản xuất (giống, phân bón, thuốc sinh học,...), chi phí thuê dịch vụ thiết bị bay không người lái (Drone) phun thuốc bảo vệ thực vật; Hỗ trợ tối đa 30% chi phí xây dựng, lắp đặt hệ thống sản xuất áp dụng tiên bộ kỹ thuật (nhà kính, nhà màng, hệ thống tưới tự động, cảm biến, thiết bị tưới tự động, hệ thống phun thuốc cơ giới và các phần mềm quản lý thông minh...). Tổng mức hỗ trợ không quá 10,5 triệu/ha (đối với lúa) và hỗ trợ không quá 50 triệu/1ha đối với cây ăn quả.

Đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu và năng lực sản xuất cây trồng nông nghiệp giá trị cao (Nho, Dưa lưới, hoa, ớt ngọt), quy mô vườn sản xuất tập trung tối thiểu 1.000 m² ứng dụng phương pháp sản xuất cây trồng giá trị cao trong nhà màng đơn giản có Dự án phù hợp với quy hoạch và kế hoạch phát triển nông nghiệp của tỉnh Hưng Yên được hỗ trợ các chính sách quy định tại điểm c, khoản này và Tổng mức hỗ trợ tối đa 150 triệu/1000m².

- Hỗ trợ cơ giới hóa trong sản xuất, bảo quản, chế biến nông lâm thủy sản

Hỗ trợ một lần bằng 50% giá trị mua máy móc, thiết bị theo hóa đơn giá trị gia tăng (VAT), nhưng không quá 150 triệu đồng cho mỗi máy hoặc thiết bị.

- Hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

+ Hỗ trợ 100% kinh phí xây dựng và phát triển hệ thống thông tin điện tử (website) của tổ chức, cá nhân có sản phẩm thực phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối đảm bảo an toàn và kết nối với hệ thống thông tin điện tử hy.check.net.vn truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa tỉnh Hưng Yên hoặc các

chương trình ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước phục vụ chuyên môn.

+ Hỗ trợ 100% chi phí tư vấn giải pháp chuyển đổi số đối với quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ và chuyển đổi mô hình kinh doanh.

+ Hỗ trợ 100% chi phí thuê, mua giải pháp chuyển đổi số để tự động hóa, nâng cao hiệu quả quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ cho các tổ chức, cá nhân và chuyển đổi mô hình kinh doanh.

+ Hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xác lập quyền sở hữu trí tuệ; tư vấn quản lý và phát triển sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; tư vấn chuyển giao công nghệ.

+ Nhà nước phát triển một số phần mềm, ứng dụng phục vụ cho sản xuất, kinh doanh để các tổ chức, cá nhân dùng chung và không thu tiền.

- Hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Hỗ trợ 100% kinh phí xây dựng và phát triển hệ thống thông tin điện tử (website) của tổ chức, cá nhân có sản phẩm nông nghiệp đảm bảo an toàn và kết nối với cổng thông tin cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh hoặc các chương trình ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước phục vụ chuyên môn.

Hỗ trợ 100% chi phí tư vấn giải pháp chuyển đổi số đối với quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ và chuyển đổi mô hình kinh doanh.

Hỗ trợ 100% chi phí thuê, mua giải pháp chuyển đổi số để tự động hóa, nâng cao hiệu quả quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ cho các tổ chức, cá nhân và chuyển đổi mô hình kinh doanh.

Hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xác lập quyền sở hữu trí tuệ; tư vấn quản lý và phát triển sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; tư vấn chuyển giao công nghệ.

Nhà nước phát triển một số phần mềm, ứng dụng phục vụ cho sản xuất, kinh doanh để các tổ chức, cá nhân dùng chung và không thu tiền.

- Hỗ trợ thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp

+ Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí xây dựng quy trình và đào tạo tập huấn, chuyển giao kỹ thuật về nông nghiệp tuần hoàn.

+ Về hỗ trợ xây dựng nhân rộng các mô hình nông nghiệp tuần hoàn: Áp dụng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 29, Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông địa phương. Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 50% kinh phí thực hiện mô hình, nội dung hỗ trợ bao gồm nguyên vật liệu, vật tư thiết yếu để sản xuất tuần hoàn như giống, máy móc, thiết bị, vật liệu, dụng cụ, chế phẩm..., mức hỗ trợ tối đa không quá 300 triệu đồng/mô hình.

+ Xây dựng chuỗi liên kết sản xuất, phát triển thị trường và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp tuần hoàn: Thực hiện theo khoản 1 Điều 7 Nghị quyết này.

(5) Chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp và thủy sản

- Hỗ trợ 100% kinh phí về điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí khi thực hiện áp dụng quy trình VietGAP.

- Hỗ trợ không quá 50% tổng vốn đầu tư xây dựng, cải tạo: đường giao thông, hệ thống thủy lợi, trạm bơm, điện hạ thế, hệ thống xử lý chất thải, hệ thống cấp thoát nước của vùng sản xuất tập trung để phù hợp với yêu cầu kỹ thuật VietGAP.

- Hỗ trợ 100% kinh phí thuê đơn vị thực hiện đào tạo, tập huấn cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, cán bộ khuyến nông các cấp; dạy nghề cho lao động nông thôn áp dụng VietGAP trong sản xuất, sơ chế sản phẩm an toàn; biên soạn, in ấn tài liệu, biểu mẫu phục vụ các lớp đào tạo, tập huấn.

- Hỗ trợ 100% kinh phí thuê tổ chức chứng nhận đánh giá để được cấp Giấy chứng nhận sản phẩm an toàn.

- Hỗ trợ 100% kinh phí đánh giá duy trì giấy chứng nhận hằng năm.

3. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách

1. Ngân sách tỉnh đảm bảo kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới theo Quy định này.

Căn cứ các cơ chế chính sách theo Quy định này, các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ, lập dự toán trình cấp có thẩm quyền phê duyệt làm cơ sở tổ chức thực hiện theo các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Xây dựng và các quy định của pháp luật khác có liên quan

2. Hàng năm, ngân sách tỉnh hỗ trợ kinh phí quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện, kiểm tra, điều tra đánh giá chuyên đề, đào tạo, tập huấn cho các Sở, ngành cấp tỉnh, đơn vị có liên quan, UBND cấp xã trong công tác chỉ đạo, tuyên truyền, triển khai, kiểm tra, phúc tra việc thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới: không quá 1% tổng kinh phí hỗ trợ theo Quy định này.

4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn phối hợp tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện, xử lý, giải quyết kịp thời các nội dung phát sinh phù hợp với thẩm quyền trong quá trình thực hiện Quy định này, hằng năm báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có các trường hợp phát sinh về nội dung hỗ trợ, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để xem xét, cho ý kiến bằng văn bản theo thẩm quyền.

3. Tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm Quy định này theo quy định của pháp luật.

5. Sửa đổi, bổ sung quy định

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Quy định một số chính sách thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: NNMT, TP, TC;
- VP: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH